

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức An						
2	002	25TQ1E_01	Trần Bình An						
3	003	25TQ1D_01	Trần Quốc An						
4	004	25TQ1A_01	Võ Nguyễn Trường An						
5	005	25TQ1E_02	Dương Quốc Anh						
6	006	25TQ1B_02	Hoàng Ngọc Anh						
7	007	25TQ1D_02	Lê Tuấn Anh						
8	008	25TQ1B_03	Nguyễn Đức Anh						
9	009	25TQ1B_04	Nguyễn Quốc Anh						
10	010	25TQ1A_02	Nguyễn Quốc Anh						
11	011	25TQ1B_05	Trần Đức Anh						
12	012	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo						
13	013	25TQ1F_02	Nguyễn Đào Chí Bảo						
14	014	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy Bảo						
15	015	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia Bảo						
16	016	25TQ1E_05	Nguyễn Quốc Bảo						
17	017	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia Bảo						
18	018	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia Bảo						
19	019	25TQ1D_06	Đình Phạm Thanh Bình						
20	020	25TQ1F_03	Nguyễn Nhật Chương						
21	021	25TQ1B_07	Lương Thành Công						
22	022	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường						
23	023	25TQ1B_09	Lại Quốc Cường						
24	024	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường						
25	025	25TQ1A_05	Trần Chí Cường						
26	026	25TQ1D_08	Võ Duy Cường						
27	027	25TQ1B_15	Đặng Ánh Đăng						
28	028	25TQ1C_06	Nguyễn Nhật Đăng						
29	029	25TQ1C_07	Trần Tấn Đăng						
30	030	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh						
31	031	25TQ1B_10	Nguyễn Thành Danh						
32	032	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt						
33	033	25TQ1B_14	Nguyễn Thành Đạt						
34	034	25TQ1E_10	Thạch Bune Đavy						

35	035	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú	Điền					
----	-----	-----------	---------------	------	--	--	--	--	--

Tổng số: **35**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A02

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	25TQ1B_16	Nguyễn Huy Đức						
2	037	25TQ1B_11	Nay Dung						
3	038	25TQ1C_03	Nguyễn Tiến Dũng						
4	039	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được						
5	040	25TQ1C_04	Huỳnh Phong Dương						
6	041	25TQ1C_05	Nguyễn Danh Dương						
7	042	25TQ1B_12	Phùng Dương						
8	043	25TQ1E_08	Cao Nhật Duy						
9	044	25TQ1F_04	Lê Ngọc Duy						
10	045	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo Duy						
11	046	25TQ1E_09	Nguyễn Hà Duy						
12	047	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy						
13	048	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc Duy						
14	049	25TQ1F_06	Phạm Đặng Khánh Duy						
15	050	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài Duy						
16	051	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật Duy						
17	052	25TQ1A_56	Nguyễn Đình Hào						
18	053	25TQ1F_10	Nguyễn Minh Hào						
19	054	25TQ1F_11	Nguyễn Nhật Hào						
20	055	25TQ1E_12	Trương Nhật Hào						
21	056	25TQ1B_17	Võ Anh Hào						
22	057	25TQ1F_12	Lê Văn Hào						
23	058	25TQ1A_08	Phạm Phúc Hậu						
24	059	25TQ1E_13	Lê Chí Hiếu						
25	060	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu						
26	061	25TQ1B_19	Lê Văn Nhật Hòa						
27	062	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài						
28	063	25TQ1E_15	Huỳnh Huy Hoàng						
29	064	25TQ1A_55	Lê Minh Hoàng						
30	065	25TQ1B_18	Thái Huy Hoàng						
31	066	25TQ1A_09	Lê Ngọc Huân						
32	067	25TQ1B_23	Đào Duy Hùng						
33	068	25TQ1E_19	Hà Hoàng Hưng						
34	069	25TQ1C_08	Huỳnh Lê Xuân Huy						

35	070	25TQ1B_21	Lâm Trần Hoàng	Huy						
----	-----	-----------	----------------	-----	--	--	--	--	--	--

Tổng số: **35**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	071	25TQ1E_16	Nguyễn Khắc Huy						
2	072	25TQ1C_09	Tăng Gia Huy						
3	073	25TQ1E_17	Đặng Hoàng Huynh						
4	074	25TQ1B_22	Lý Huỳnh						
5	075	25TQ1E_18	Nguyễn Khánh Huỳnh						
6	076	25TQ1A_10	Bạch Hoàng Kha						
7	077	25TQ1A_11	Đào Minh Kha						
8	078	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha						
9	079	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ Kha						
10	080	25TQ1F_14	Trần Nguyên Kha						
11	081	25TQ1C_11	Bùi Minh Khải						
12	082	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên Khang						
13	083	25TQ1B_25	Nguyễn Công Khang						
14	084	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu Khang						
15	085	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc Khang						
16	086	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn Khang						
17	087	25TQ1C_10	Nguyễn Văn Khang						
18	088	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh Khang						
19	089	25TQ1F_16	Võ Duy Khang						
20	090	25TQ1E_21	Võ Duy Khang						
21	091	25TQ1E_22	Nguyễn Việt Khang						
22	092	25TQ1D_19	Ngô Duy Khanh						
23	093	25TQ1E_23	Nguyễn Anh Khoa						
24	094	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh Khoa						
25	095	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh Khoa						
26	096	25TQ1F_17	Võ Anh Khoa						
27	097	25TQ1A_13	Hồ Đăng Khôi						
28	098	25TQ1D_20	Nguyễn Đăng Trọng Khôi						
29	099	25TQ1D_21	Nguyễn Minh Khôi						
30	100	25TQ1E_26	Vương Nhật Khôi						
31	101	25TQ1A_14	Trần Võ Đăng Khương						
32	102	25TQ1A_15	Nguyễn Trung Kiên						
33	103	25TQ1A_16	Nguyễn Trung Kiên						
34	104	25TQ1E_27	Khuru Tuấn Kiệt						

35	105	25TQ1C_15	Lê Anh Kiệt						
----	-----	-----------	-------------	--	--	--	--	--	--

Tổng số: **35**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	106	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn Kiệt						
2	107	25TQ1E_28	Ninh Tuấn Kiệt						
3	108	25TQ1B_27	Trần Anh Kiệt						
4	109	25TQ1A_17	Lương Thanh Lâm						
5	110	25TQ1C_16	Nguyễn Thân Lâm						
6	111	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê						
7	112	25TQ1D_24	Lê Hoàng Lên						
8	113	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân Lộc						
9	114	25TQ1D_26	Phùng Xuân Lộc						
10	115	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn Lợi						
11	116	25TQ1D_27	Nguyễn Tấn Lợi						
12	117	25TQ1D_25	Võ Thành Long						
13	118	25TQ1F_20	Nguyễn Võ Minh Luân						
14	119	25TQ1C_17	Võ Thành Luân						
15	120	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê Luận						
16	121	25TQ1A_18	Lê Thị Ngọc Mai						
17	122	25TQ1A_19	Chu Lê Trà Mi						
18	123	25TQ1F_21	Nguyễn Duy Minh						
19	124	25TQ1C_18	Trần Nhật Minh						
20	125	25TQ1D_28	Trần Quang Minh						
21	126	25TQ1C_19	Bùi Văn Nam						
22	127	25TQ1F_22	Châu Thành Nam						
23	128	25TQ1C_20	Nguyễn Hoài Nam						
24	129	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng Nam						
25	130	25TQ1A_21	Nguyễn Hoàng Nam						
26	131	25TQ1F_23	Trần Đức Nam						
27	132	25TQ1A_22	Lê Trọng Nghĩa						
28	133	25TQ1C_21	Nguyễn Thành Nghĩa						
29	134	25TQ1A_23	Nguyễn Minh Ngọc						
30	135	25TQ1C_23	Đào Nguyên						
31	136	25TQ1A_24	Nguyễn Đình Nguyên						
32	137	25TQ1D_29	Trần Tuấn Nguyễn						
33	138	25TQ1B_31	Võ Đình Nguyễn						
34	139	25TQ1C_25	Nguyễn Chí Nguyễn						

35	140	25TQ1C_26	Đoàn Thanh	Nhã						
36	141	25TQ1E_30	Lê Chí	Nhân						
37	142	25TQ1A_25	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân						
38	143	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng	Nhân						
39	144	25TQ1E_31	Nguyễn Thiện	Nhân						
40	145	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng	Nhân						
41	146	25TQ1F_25	Huỳnh Bá	Nhẫn						
42	147	25TQ1A_26	Nguyễn Quang	Nhật						
43	148	25TQ1C_28	Nguyễn Song	Pha						
44	149	25TQ1F_26	Lâm Hữu	Phát						
45	150	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn	Phát						
46	151	25TQ1D_30	Phan Thành	Phát						
47	152	25TQ1D_31	Trương Đại	Phát						
48	153	25TQ1A_27	Lưu Chấn	Phong						
49	154	25TQ1A_28	Nguyễn Thế	Phong						
50	155	25TQ1C_29	Trần Đình	Phong						

Tổng số: **50**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A06

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	156	25TQ1E_32	Dương Gia Phú						
2	157	25TQ1C_30	Hồ Huỳnh Gia Phú						
3	158	25TQ1C_31	Trần Hồ Ngọc Phú						
4	159	25TQ1C_32	Đồng Lưu Bảo Phúc						
5	160	25TQ1E_33	Hồ Hoàng Phúc						
6	161	25TQ1F_28	La Trần Gia Phúc						
7	162	25TQ1B_34	Nguyễn Hoàng Giao Phúc						
8	163	25TQ1D_33	Lữ Minh Quân						
9	164	25TQ1F_29	Nguyễn Cao Quân						
10	165	25TQ1A_32	Nguyễn Minh Quân						
11	166	25TQ1F_30	Trần Minh Quân						
12	167	25TQ1C_34	Văn Việt Quân						
13	168	25TQ1E_34	Hoàng Đăng Quang						
14	169	25TQ1A_31	Lâm Nhật Quang						
15	170	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc Quý						
16	171	25TQ1B_36	Dương Hoàng Quý Quốc						
17	172	25TQ1A_33	Đỗ Trọng Quý						
18	173	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh Quyền						
19	174	25TQ1C_35	Dương Bình Sang						
20	175	25TQ1C_36	Nguyễn Thanh Sang						
21	176	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái Sơn						
22	177	25TQ1B_38	Nguyễn Thanh Sơn						
23	178	25TQ1A_35	Phạm Tấn Tài						
24	179	25TQ1B_39	Trần Phan Đức Tài						
25	180	25TQ1C_37	Trần Tấn Tài						
26	181	25TQ1A_36	Trần Tiến Tài						
27	182	25TQ1D_37	Từ Tấn Tài						
28	183	25TQ1C_38	Huỳnh Minh Tâm						
29	184	25TQ1A_37	Nguyễn Ngọc Tâm						
30	185	25TQ1B_40	Lý Thanh Tân						
31	186	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc Tân						
32	187	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang Tấn						
33	188	25TQ1C_40	Nguyễn Gia Thái						
34	189	25TQ1B_43	Nguyễn Phong Thái						

35	190	25TQ1A_38	Phạm Đình	Thái						
----	-----	-----------	-----------	------	--	--	--	--	--	--

Tổng số: **35**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	191	25TQ1C_41	Phan Vĩ Thái						
2	192	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc Thái						
3	193	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng Thắng						
4	194	25TQ1F_34	Nguyễn Hiếu Thắng						
5	195	25TQ1C_39	Lâm Duy Thanh						
6	196	25TQ1B_41	Nguyễn Chí Thanh						
7	197	25TQ1B_42	Phạm Chí Thanh						
8	198	25TQ1E_36	Phạm Nhựt Thanh						
9	199	25TQ1F_33	Đỗ Đạt Thành						
10	200	25TQ1D_40	Đỗ Tấn Thành						
11	201	25TQ1A_39	Diệp Thị Trang Thảo						
12	202	25TQ1C_42	Trần Thiện Thê						
13	203	25TQ1E_38	Nguyễn Nhật Thiên						
14	204	25TQ1C_43	Nguyễn Trần Phước Thiên						
15	205	25TQ1C_44	Ksor Thing						
16	206	25TQ1C_45	Huỳnh Công Thịnh						
17	207	25TQ1A_41	Lê Duy Thịnh						
18	208	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ Thịnh						
19	209	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh Thư						
20	210	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thức						
21	211	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài Tín						
22	212	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh Tính						
23	213	25TQ1C_48	Đặng Xuân Toại						
24	214	25TQ1C_46	Huỳnh Gia Toàn						
25	215	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh Trí						
26	216	25TQ1F_37	Lê Phát Triển						
27	217	25TQ1F_38	Hà Công Trọng						
28	218	25TQ1A_45	Nguyễn Phú Trọng						
29	219	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng						
30	220	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung						
31	221	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường						
32	222	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường						
33	223	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường						
34	224	25TQ1B_49	Nguyễn Nhựt Trường						

35	225	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhựt	Trường						
36	226	25TQ1B_51	Nguyễn Anh	Tú						
37	227	25TQ1C_50	Đào	Tuấn						
38	228	25TQ1A_48	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn						
39	229	25TQ1D_44	Trần Ngọc	Văn						
40	230	25TQ1D_43	Nguyễn Thiên	Vạn						
41	231	25TQ1E_39	Dương Gia	Vĩ						
42	232	25TQ1F_41	Trần Lê Tuấn	Vĩ						
43	233	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc	Việt						
44	234	25TQ1A_51	Trần Quốc	Việt						
45	235	25TQ1F_39	Nguyễn Đỗ Thanh	Vinh						
46	236	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc	Vinh						
47	237	25TQ1D_45	Phan Thái	Vinh						
48	238	25TQ1F_40	Võ Quang	Vinh						
49	239	25TQ1F_42	Lâm Hoàng	Vũ						
50	240	25TQ1A_52	Phạm Hồ Khánh	Vũ						
51	241	25TQ1C_53	Lê Nguyễn Khang	Vỹ						
52	242	25TQ1A_53	Quách Bảo	Xuyên						
53	243	25TQ1B_54	Võ Tư	Ý						

Tổng số: **53**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa